

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế,
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 70/TTr-BQLDA ngày 15/6/2023; Báo cáo thẩm định số 1319/SGTVT-QLCL ngày 11/7/2023 và Tờ trình số 37/TTr-SGTVT ngày 12/7/2023 của Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng cầu Đông Sơn trên địa bàn huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng cầu Đông Sơn để góp phần hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông của hai huyện Yên Thế và Lạng Giang; tăng cường kết nối không gian liên huyện thông qua mạng lưới kết cấu đường bộ trong khu vực. Qua đó tạo tiền đề để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương; giải quyết nguy cơ mất an toàn giao thông do cầu cũ đã xuống cấp; tăng cường các hoạt động giao lưu văn hóa, đảm bảo an ninh cho khu vực.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng cầu Đông Sơn với chiều dài tuyến khoảng 0,92km (*trong đó phạm vi chiều dài tuyến thuộc địa phận huyện Yên Thế khoảng 0,68km, phạm vi chiều dài tuyến thuộc địa phận huyện Lạng Giang 0,24km*); điểm đầu tại ngã ba Trung tâm xã Đông Sơn; điểm cuối kết nối với đường từ cầu Đông Sơn đi ĐT.292, thuộc địa bàn xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang; riêng hạng mục cầu Đông Sơn chiều dài khoảng 107,2m. Đầu tư, xây dựng công trình với quy mô mặt cắt ngang theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN4054 – 2005): chiều rộng nền đường $B_n=12m$, chiều rộng mặt đường $B_m=2 \times 3,5m=7m$, chiều rộng lề đường $B_l=2 \times 2,5m=5m$ (*trong đó phần lề đường gia cố mỗi bên rộng 2m*); vận tốc thiết kế $V=60Km/h$; mặt đường và lề đường gia cố áp dụng loại kết cấu mặt đường mềm cấp cao A1 (*mặt bê tông nhựa đặt trên móng cấp phối đá dăm theo TCCS 38-2022/TCĐBVN*). Trên tuyến xây dựng công trình cầu Đông Sơn (*thay thế cầu cũ*); chiều rộng mặt cắt ngang cầu $B_c=12m$, chiều dài cầu khoảng $L_c=107,2m$ (*tính đến đuôi móng*); áp dụng kết cấu cầu BTCT và BTCT DUL, tải trọng thiết kế HL93, đoàn người $3 \times 10^{-3}Mpa$ đặt trên hệ móng cọc.

Nội dung đầu tư dự án gồm các hạng mục: Nền, mặt đường; hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, điện chiếu sáng; cầu Đông Sơn và an toàn giao thông trên tuyến.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a. Phân đường:

- *Thiết kế bình đồ*: Bình đồ tuyến được thiết kế trên cơ sở bám theo tuyến cũ, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, tận dụng nền, mặt đường hiện trạng và hạn chế khối lượng GPMB. Điểm đầu Km0+00 (*tại nút giao ngã 3 giao với tuyến đường từ thị trấn Bó Hạ qua xã Đông Sơn (Yên Thế) đi trường Cao đẳng nghề Đông Bắc (huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)*); tuyến đi bám theo đường hiện trạng, vượt sông Thương bằng công trình cầu Đông Sơn xây mới; điểm cuối Km0+922 kết nối với đường từ cầu Đông Sơn đi ĐT.292 hiện trạng. Tại các vị trí đường cong châm chước các yếu tố bình đồ để phù hợp với điều kiện địa hình, thực tế hiện trạng.

- *Thiết kế trắc dọc*: Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hòa với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận;

giảm thiểu khối lượng chiếm dụng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ thiết kế tuyến bằng cao độ mặt đường cũ cộng với lớp kết cấu áo đường tăng cường và lớp bù vênh để đảm bảo tận dụng tối đa kết cấu mặt đường cũ. Các điểm khống chế cao độ gồm điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, công trình cầu Đông Sơn, các công trình thoát nước và đảm bảo phù hợp với cao độ hiện trạng hai bên tuyến.

- *Thiết kế trắc ngang*: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô mặt cắt ngang tối thiểu đường cấp III đồng bằng (TCVN4054 - 2005); chiều rộng nền đường $B_{nền}=12,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2x3,5=7,0m$; chiều rộng lề đường gia cố $B_{lề}=2x2,0m=4,0m$ (với kết cấu như mặt đường); chiều rộng lề đất $B_{lđ}=2x0,5=1,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $i=2\%$, dốc ngang lề đất $i=6\%$, mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

- *Thiết kế nền đường*: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối khai thác tại mỏ và tận dụng đất đào đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp sau đó đắp thay thế bằng đất cấp phối lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Đối với nền đường đào: Xáo xới lu lèn hoặc đào thay đất (nếu đất nền không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật) đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$. Taluy đào đất 1/1, taluy đắp 1/1,50. Những đoạn nền đường qua ruộng, nương đào bỏ lớp đất không thích hợp dày trung bình 0,3-0,5m; các đoạn qua ao, hồ đào bỏ lớp bùn hữu cơ dày trung bình 1,0m sau đó đắp nền thông thường. Trong phạm vi đường dẫn (cuối cầu) thiết kế xử lý nền đất yếu với giải pháp xử lý đào thay một phần lớp đất yếu.

- *Thiết kế mặt đường, lề gia cố*: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1(TCCS 38:2022/TCĐBVN), mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140Mpa$, cụ thể:

+ Kết cấu áp dụng cho phần làm mới và cạp mở rộng: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

+ Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường cũ: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I hoặc loại II tùy theo chiều dày bù vênh đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh (đối với đường hiện trạng là đường BTXM, BTN): Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; bù vênh bằng bê tông nhựa C19; tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$;

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh (đối với đường hiện trạng là đường cấp phối, đường đất): Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

- *Thiết kế hệ thống thoát nước:*

+ Thoát nước dọc: Đoạn đầu tuyến qua khu dân cư (Km0+00 – Km0+300) thiết kế hệ thống rãnh dọc 2 bên bằng rãnh BTCT, khẩu độ BxH=0,5mx0,6m; đáy rãnh trên lớp đá dăm đệm; tấm đan bằng BTCT M250 chịu lực.

+ Thoát nước ngang: Thiết kế công ngang đảm bảo phục vụ tưới tiêu cho khu vực. Công tròn sử dụng ống công BTCT lắp ghép khẩu độ D100, D125; móng công BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM đổ tại chỗ. Công hộp khẩu độ Bxh=0,8x0,8m, sử dụng công hộp lắp ghép đúc sẵn đặt trên lớp móng bê tông và đệm đá dăm; tường đầu, tường cánh, hố thu bằng BTXM đổ tại chỗ.

- *Hệ thống điện chiếu sáng:* Thiết kế mới hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến và hai bên thành cầu. Cột đèn chiếu sáng sử dụng loại cột thép mạ kẽm, thân cột hình bát giác cao 10,0m, cần đèn đơn cao 2m, độ vươn của cần về phía đường là 1,5m, khoảng cách cột trung bình là 30m. Móng cột đèn sử dụng móng bê tông không cốt thép M200 đổ tại chỗ có khung thép. Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led công suất 200W loại tiết kiệm điện năng, có hiệu suất cao. Hệ thống đèn chiếu sáng được điều khiển tự động bằng rơ le thời gian đặt trong tủ điện. Nguồn điện, trạm biến áp: Nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu được lấy từ Trạm biến áp (TBA) hiện có. Dây cáp điện: Cáp cáp điện sử dụng loại cáp đồng ngầm 0,6KV loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC có tiết diện 4x25mm²; dây dẫn lên bóng đèn dùng dây đồng Cu/PVC/PVC tiết diện 3x1,5mm². Cáp đi ngầm luôn trong ống nhựa xoắn trên phạm vi hệ đường.

- *An toàn giao thông:* Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn; sơn vạch phản quang, tôn hộ lan.

b. Phần cầu:

Thiết kế làm mới cầu Đông Sơn thay thế cầu cũ. Quy mô thiết kế cầu BTCT, BTCT dự ứng lực, bề rộng cầu phù hợp với quy mô bề rộng nền đường; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ 3x10⁻³Mpa; nhịp dầm bằng BTCT DUL. Mố trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi.

- Phạm vi thiết kế tính đến đuôi mố từ Km0+625,893 - Km0+733,093, chiều dài phần cầu L=107,2m. Thiết kế cầu BTCT, BTCT dự ứng lực; bề rộng cầu B=12m; tần suất thiết kế P=1%; sơ đồ nhịp gồm 03 nhịp 33m kết cấu nhịp dầm I bằng BTCT DUL. Mố trụ bằng BTCT đặt trên hệ móng cọc khoan nhồi.

- Kết cấu phần trên: Kết cấu nhịp gồm 03 nhịp dầm I, chiều dài mỗi nhịp 33m bằng BTCT DUL 40Mpa. Mặt cắt ngang gồm 05 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm a=2,4m; chiều cao dầm chủ h=1,65m. Bản mặt cầu dày tối thiểu 20cm. Lớp phủ mặt cầu bằng BTN dày 7cm trên lớp nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m² và lớp phòng nước dạng phun; độ dốc ngang mặt cầu 2%.

- Kết cấu phần dưới: Mô cầu dạng mô chữ U BTCT 30Mpa trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính D=1,0m. Trụ cầu dạng 1 thân đặc bằng BTCT 30Mpa trên hệ móng cọc khoan nhồi đường kính D=1,0m.

- Kết cấu khác: Gờ chắn, bản dẫn bằng BTCT 30Mpa đổ tại chỗ; lan can bằng thép mạ kẽm, cột lan can bằng thép đúc; gói cầu dùng gói cao su cốt bản thép; khe co giãn thép dạng răng lược; tứ nón, chân khay gia cố bằng kết cấu BTXM.

c. Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng công trình Thăng Long.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Yên Thế, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 2,2ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm C.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Thời hạn thiết kế 10 năm đối với mặt đường BTN; tuổi thọ thiết kế 100 năm đối với công trình cầu (TCVN 11823-1:2017).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;

- Tiêu chuẩn cơ sở khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;

- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;

- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;

- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

- Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu TCVN 13567-1:2022 – Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình chiếu sáng QCVN 07-7/2016/BXD

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 75.000.000.000 tỷ đồng (Bảy mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	13.068.115.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	46.112.628.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	991.841.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.546.013.000 đồng;
- Chi phí khác:	1.498.794.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	9.782.609.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.**11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.**

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1319/SGTVT-QLCL ngày 11/7/2023 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang, Yên Thế; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, KTN_{Hiếu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích